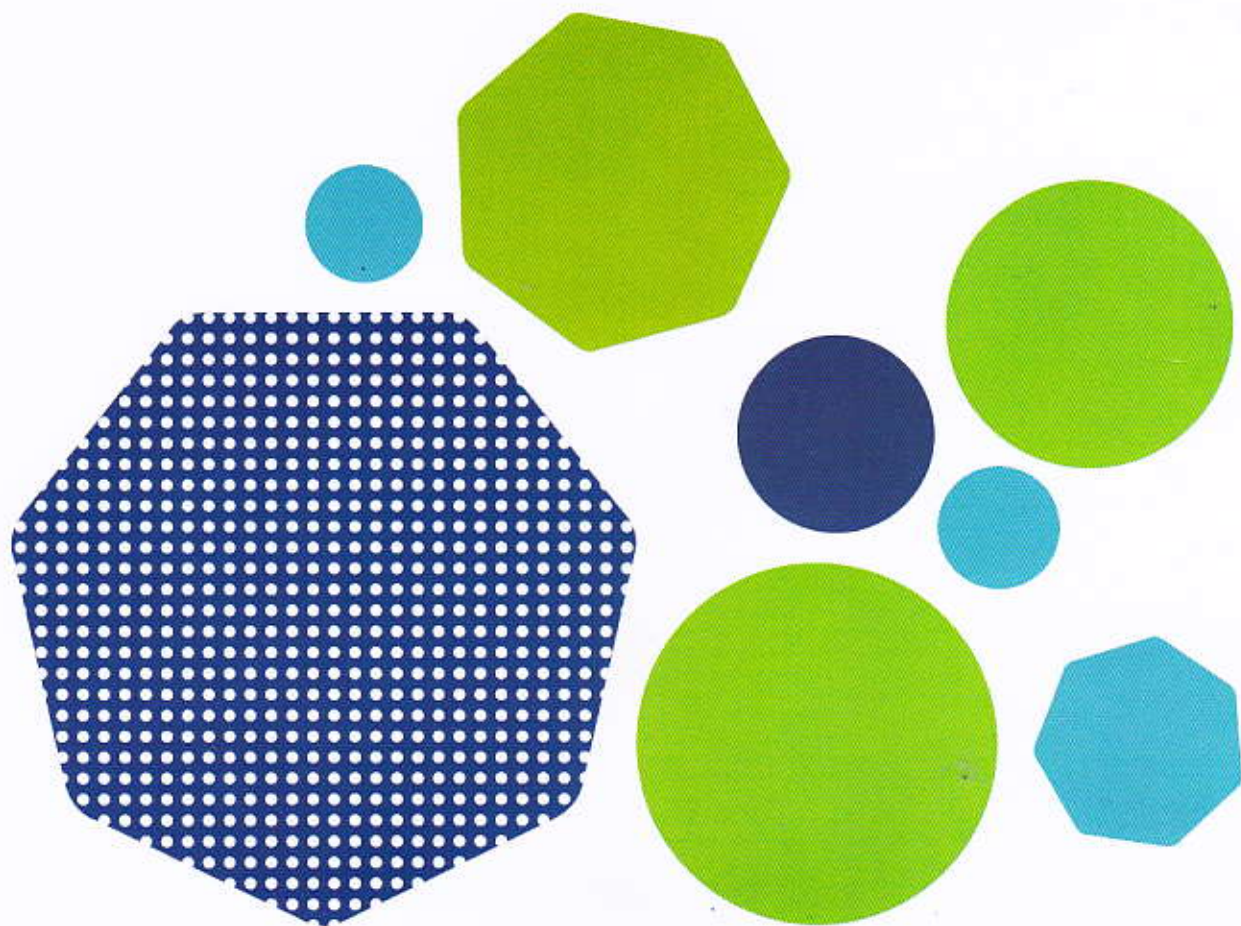


CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN TỬ BÌNH HÒA
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2022



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Yên	Thành viên
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Phước Hiệp	Trưởng Ban
Bà Nguyễn Vi Tường Thúy	Thành viên
Bà Lê Thị Phương Dung	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc

Kế toán trưởng của Công ty là bà Trần Thị Kiều Oanh

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định rằng không có sự kiện nào sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính này.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Hà Hữu Quang

Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Số: 30/2023/UHY-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

*Về Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022*

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 14 tháng 02 năm 2023, từ trang 06 đến trang 30 kèm theo, bao gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Điện tử Bình Hòa tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Phạm Gia Đạt

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 0798-2023-112-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY

Hà Nội, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Nguyễn Minh Thắng

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 4421-2023-112-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2022

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 VND	01/01/2022 VND
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		25.776.623.106	27.726.327.494
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	11.497.660.521	9.070.058.216
Tiền	111		7.997.660.521	5.570.058.216
Các khoản tương đương tiền	112		3.500.000.000	3.500.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	8.300.000.000	9.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.300.000.000	9.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		5.414.392.921	8.716.088.820
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	8.960.645.279	12.436.993.099
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	6.947.354.266	6.787.402.345
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(10.493.606.624)	(10.508.306.624)
Hàng tồn kho	140		243.772.692	268.273.433
Hàng tồn kho	141	9	243.772.692	268.273.433
Tài sản ngắn hạn khác	150		320.796.972	671.907.025
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5	171.899.238	58.009.500
Thuế GTGT được khấu trừ	152		129.397.959	96.686.262
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	12	19.499.775	517.211.263
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		2.092.670.721	28.471.500
Tài sản cố định	220		1.673.046.396	-
Tài sản cố định hữu hình	221	10	1.673.046.396	-
- Nguyên giá	222		20.403.396.851	18.748.383.215
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(18.730.350.455)	(18.748.383.215)
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		108.436.107	108.436.107
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(108.436.107)	(108.436.107)
Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231		6.211.957.943	6.211.957.943
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(6.211.957.943)	(6.211.957.943)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6	-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		510.000.000	510.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(510.000.000)	(510.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		419.624.325	28.471.500
Chi phí trả trước dài hạn	261	5	419.624.325	28.471.500
TỔNG TÀI SẢN	270		27.869.293.827	27.754.798.994

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)
Tại ngày 31/12/2022

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022	01/01/2022
			VND	VND
NỢ PHẢI TRẢ	300		4.637.706.523	6.685.101.280
Nợ ngắn hạn	310		2.834.881.373	4.666.272.130
Phải trả người bán ngắn hạn	311	11	677.259.285	3.620.796.130
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	12	127.414.381	-
Phải trả người lao động	314		1.927.332.478	1.045.476.000
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	14	101.172.645	-
Phải trả ngắn hạn khác	319	13	1.702.584	-
Nợ dài hạn	330		1.802.825.150	2.018.829.150
Phải trả dài hạn khác	337	13	1.802.825.150	2.018.829.150
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		23.231.587.304	21.069.697.714
Vốn chủ sở hữu	410	15	23.231.587.304	21.069.697.714
Vốn góp của chủ sở hữu	411		29.000.000.000	29.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		29.000.000.000	29.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		2.310.399.740	2.310.399.740
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(8.078.812.436)	(10.240.702.026)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		(10.240.702.026)	(11.638.725.444)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		2.161.889.590	1.398.023.418
TỔNG NGUỒN VỐN	440		27.869.293.827	27.754.798.994

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	16	64.643.473.664	70.603.269.709
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		64.643.473.664	70.603.269.709
Giá vốn hàng bán	11	17	47.893.903.158	58.218.011.592
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		16.749.570.506	12.385.258.117
Doanh thu hoạt động tài chính	21	18	1.057.049.180	590.081.210
Chi phí tài chính	22	19	126.772.958	72.218.198
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
Chi phí bán hàng	25	20	2.068.646.530	985.446.954
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	20	12.936.946.559	10.387.897.020
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.674.253.639	1.529.777.155
Thu nhập khác	31	21	100.925.017	77.796.428
Chi phí khác	32	22	47.995.211	209.550.165
Lợi nhuận khác	40		52.929.806	(131.753.737)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.727.183.445	1.398.023.418
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	24	565.293.855	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		2.161.889.590	1.398.023.418
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	745	482
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	26	745	482

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022

Chỉ tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	70.072.667.107	69.624.470.202
Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(30.232.067.784)	(41.034.348.248)
Tiền chi trả cho người lao động	3	(26.042.167.717)	(21.686.194.822)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	3.699.517.423	2.402.860.496
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(14.761.444.354)	(10.936.292.505)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	2.736.504.675	(1.629.504.877)
Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(1.735.013.636)	-
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	15.500.000	-
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(3.000.000.000)	(2.000.000.000)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	3.700.000.000	5.000.000.000
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	402.818.826	468.043.650
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(616.694.810)	3.468.043.650
Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	2.119.809.865	1.838.538.773
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4 9.070.058.216	7.211.313.076
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	307.792.440	20.206.367
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4 11.497.660.521	9.070.058.216

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trần Thị Kiều Oanh

Trần Thị Kiều Oanh

Hà Hữu Quang

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN

Công ty Cổ Phần Điện tử Bình Hòa, (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là Công ty cổ phần được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0303207317 ngày 07/02/2006, đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 vào ngày 22/07/2020 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trụ sở chính của Công ty hiện đặt tại Số 204 đường Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh.

Theo Giấy đăng ký giao dịch cổ phiếu số 88/TTGDHN – ĐKGD của Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội ngày 19 tháng 12 năm 2006, cổ phiếu của Công ty đã được chấp thuận niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội với các nội dung như sau:

- Loại cổ phiếu: Phổ thông;
- Mã chứng khoán: VBH;
- Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng;
- Số lượng cổ phiếu: 2.900.000 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu niêm yết theo mệnh giá: 29.000.000.000 đồng.

Ngày 29/12/2006, cổ phiếu của Công ty chính thức được giao dịch.

Ngày 26/05/2017, cổ phiếu của Công ty bị hủy niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội do kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 03 năm liên tiếp (năm 2014, năm 2015 và năm 2016) của Công ty bị lỗ.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2022 là 249 người (tại ngày 31/12/2021 là 181 người).

1.2 NGÀNH NGHỀ SẢN XUẤT KINH DOANH CHÍNH

- Thiết kế, chế tạo, sản xuất, mua bán sản phẩm, thiết bị điện, điện tử, tin học viễn thông (kể cả phần cứng và phần mềm);
- Sản xuất, mua bán máy điều hòa không khí, thiết bị hệ thống lạnh;
- Thiết kế, sản xuất, mua bán các linh kiện, cụm linh kiện, chi tiết cho các thiết bị điện, điện tử, máy điều hòa không khí, hệ thống lạnh;
- Kinh doanh nhà ở, cho thuê căn hộ, văn phòng, kho tàng, nhà xưởng, bến bãi;
- Dịch vụ lắp đặt, bảo trì các thiết bị, hệ thống lạnh, mạng tin học, âm thanh, ánh sáng;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng khu công nghiệp, khu chế xuất, khu dân cư.

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty trong năm 2022 là gia công linh kiện, cụm linh kiện điện tử và khai khác mặt bằng kho/ nhà xưởng.

1.3 CHU KỲ SẢN XUẤT, KINH DOANH THÔNG THƯỜNG

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

1.4 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Công ty có công ty liên kết tại ngày 31/12/2022 như sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ Cổ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ	Quyền sở hữu và biểu quyết
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh - Công ty liên kết	30,02%	30,02%	Sản xuất, kinh doanh các thiết bị điện, điện tử, công nghệ

1.5 TUYÊN BỐ VỀ KHẢ NĂNG SO SÁNH THÔNG TIN TRÊN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thông tin, dữ liệu, số liệu tương ứng trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 được trình bày là các thông tin, dữ liệu, số liệu mang tính so sánh.

2. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phân ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2 NĂM TÀI CHÍNH

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

2.3 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính này:

3.1 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Riêng Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính chưa được Công ty áp dụng trong việc trình bày BCTC này.

3.2 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.3 NGOẠI TỆ

Tỷ giá để quy đổi các giao dịch phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch với Ngân hàng TMCP nơi Công ty có giao dịch đó tại thời điểm phát sinh.

Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính là tỷ giá công bố của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính:

Trong đó:

- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản là tỷ giá mua vào của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.
- Tỷ giá khi đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả là tỷ giá bán ra của Ngân hàng TMCP nơi mở tài khoản ngoại tệ đó tại thời điểm lập báo cáo tài chính.

3.4 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền là chỉ tiêu tổng hợp phản ánh toàn bộ số tiền hiện có của doanh nghiệp tại thời điểm báo cáo, gồm tiền mặt tại quỹ của doanh nghiệp, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, được ghi nhận và lập báo cáo theo đồng Việt Nam (VND), phù hợp với quy định tại Luật Kế toán số 88/2015/QH13 ngày 20/11/2015 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2017.

3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chi được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.5 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

- Đối với khoản đầu tư vào công ty liên kết có cổ phiếu niêm yết trên thị trường hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc trích lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết.

Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

3.6 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được Công ty trích lập đối với các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, bản cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ, doanh nghiệp đã đòi nhiều lần nhưng vẫn chưa thu hồi được, việc xác định thời gian quá hạn của khoản nợ phải thu được xác định căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua, bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên; hoặc đối với các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn và được hoàn nhập khi thu hồi được nợ.

Sự tăng hoặc giảm khoản dự phòng phải thu khó đòi tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc của hàng tồn kho bao gồm các khoản chi phí để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại, bao gồm: Giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng, hao hụt định mức, và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho. Giá xuất của hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.7 HÀNG TỒN KHO**

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.8 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định hữu hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 03 - Tài sản cố định hữu hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua sắm bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại hoặc giảm giá), các khoản thuế và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Kế toán TSCĐ hữu hình được phân loại theo nhóm tài sản có cùng tính chất và mục đích sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Thời gian sử dụng (năm)</i>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc, thiết bị	03 - 07
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06

3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, được phản ánh trên Bảng cân đối kế toán theo các chỉ tiêu nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Việc ghi nhận Tài sản cố định vô hình và khấu hao tài sản cố định thực hiện theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 04 - Tài sản cố định vô hình, Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 hướng dẫn Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC và Thông tư số 147/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH (TIẾP)**

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm bản quyền hệ điều hành Microsoft.

Tài sản cố định vô hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính của các tài sản cố định cụ thể như sau:

Loại tài sản	Năm
Bản quyền	03

3.10 GHI NHẬN VÀ KHẤU HAO BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Bất động sản đầu tư bao gồm nhà cửa vật kiến trúc do công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác. Nguyên giá bất động sản đầu tư tự xây là giá trị quyết toán công trình hoặc các chi phí liên quan trực tiếp của bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính.

3.11 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Các khoản chi phí trả trước gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn.

Chi phí trả trước ngắn hạn bao gồm các chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của công cụ dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng dưới một năm. Chi phí trả trước dài hạn bao gồm các khoản chi phí chờ phân bổ, giá trị còn lại của những công cụ, dụng cụ không đủ tiêu chuẩn là tài sản cố định, được đánh giá là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai với thời hạn sử dụng trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh không quá 03 năm.

3.12 CHI PHÍ PHẢI TRẢ

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**3.13 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận (lãi hoặc lỗ) từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố do thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố do sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính là các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị công ty theo Nghị quyết được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP

Doanh thu của Công ty bao gồm doanh thu bán các sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ.

Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn; Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 GHI NHẬN DOANH THU, THU NHẬP (TIẾP)

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi từ các khoản đầu tư dài hạn được ước tính và ghi nhận quyền nhận các khoản lãi từ các Công ty nhận đầu tư được xác lập.

Lãi tiền gửi ngân hàng được ghi nhận dựa trên thông báo hàng kỳ của ngân hàng, lãi cho vay được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

3.15 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí lãi vay, chênh lệch tỷ giá...

3.16 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập doanh nghiệp được tính theo thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán là 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

3.17 BÊN LIÊN QUAN

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Bên liên quan bao gồm:

- Những doanh nghiệp có quyền kiểm soát, hoặc bị kiểm soát trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua một hoặc nhiều bên trung gian, hoặc dưới quyền bị kiểm soát chung với Công ty gồm Công ty mẹ, các công ty con cùng Tập đoàn, các bên liên doanh, cơ sở kinh doanh được đồng kiểm soát, các công ty liên kết.
- Các cá nhân có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp biểu quyết ở các doanh nghiệp Báo cáo dẫn đến có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp này, các nhân viên quản lý chủ chốt có quyền và trách nhiệm về việc lập kế hoạch, quản lý và kiểm soát các hoạt động của Công ty kể cả các thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.17 BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

- Các doanh nghiệp do các cá nhân được nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp quyền biểu quyết hoặc người đó có thể có ảnh hưởng đáng kể tới doanh nghiệp.

Khi xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý tới chứ không phải chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Tất cả các giao dịch và số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh dưới đây.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tiền mặt	294.777.140	431.561.772
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	7.702.883.381	5.138.496.444
- Các khoản tương đương tiền	3.500.000.000	3.500.000.000
Cộng	11.497.660.521	9.070.058.216

5. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	171.899.238	58.009.500
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	97.632.572	58.009.500
- Các khoản khác	74.266.666	-
b) Dài hạn	419.624.325	28.471.500
- Công cụ, dụng cụ xuất dùng	18.181.818	-
- Phí lưu trữ tiền miễn, web, chữ ký số và phí bản quyền phần mềm	99.753.752	28.471.500
- Chi phí sửa chữa	301.688.755	-
Cộng	591.523.563	86.481.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****6.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá gốc VND	Giá trị ghi sổ VND
Ngắn hạn	8.300.000.000	8.300.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
+ Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (1)	8.300.000.000	8.300.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000
Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.300.000.000	8.300.000.000	9.000.000.000	9.000.000.000

(1) Khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn 6 đến 12 tháng tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín.

6.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Đầu tư vào công ty liên kết	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
+ Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh (2)	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)
Cộng	510.000.000	(510.000.000)	510.000.000	(510.000.000)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(2) Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh hoạt động theo giấy đăng ký kinh doanh số 0302720205 đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 9 năm 2002 và thay đổi lần thứ ba ngày 20 tháng 8 năm 2014 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp với hoạt động chính là gia công, sản xuất linh kiện điện tử. Khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh chiếm tỷ lệ 30% trên vốn thực góp. Công ty đã xem xét và đánh giá tình hình hoạt động của Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh và lập dự phòng 100% cho khoản đầu tư này.

(*) Tại thời điểm 31/12/2021, Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

7. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	8.960.645.279	(3.774.418.106)	12.436.993.099	(3.789.118.106)
- Tohozincc Co., LTD	3.882.726.088	-	2.005.417.442	-
- Công ty TNHH Kiến Quang	2.671.677.540	(2.671.677.540)	2.671.677.540	(2.671.677.540)
- Công ty Cổ phần Điện và Điện tử TCL	806.869.458	-	5.095.443.009	-
- Công ty Cổ phần Điện tử Thủ đức 1	668.107.020	(668.107.020)	668.107.020	(668.107.020)
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	(273.131.651)	273.131.651	(273.131.651)
- Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long	97.369.095	(97.369.095)	97.369.095	(97.369.095)
- Ông Huỳnh Anh Hiệp	64.132.800	(64.132.800)	78.832.800	(78.832.800)
- Các khoản phải thu khách hàng khác	496.631.627	-	1.547.014.542	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	8.960.645.279	(3.774.418.106)	12.436.993.099	(3.789.118.106)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
a) Ngắn hạn	6.947.354.266	(6.719.188.518)	6.787.402.345	(6.719.188.518)
- Các khoản chi hộ	228.165.748	-	25.737.827	-
- Phải thu khác	6.719.188.518	(6.719.188.518)	6.719.188.518	(6.719.188.518)
+ Doanh nghiệp tư nhân thương mại Ngân Long (1)	2.570.029.600	(2.570.029.600)	2.570.029.600	(2.570.029.600)
+ Công ty TNHH Kiên Quang (1)	2.200.000.000	(2.200.000.000)	2.200.000.000	(2.200.000.000)
+ Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco (2)	1.949.158.918	(1.949.158.918)	1.949.158.918	(1.949.158.918)
- Các đối tượng khác	-	-	42.476.000	-
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	6.947.354.266	(6.719.188.518)	6.787.402.345	(6.719.188.518)

(1) Các khoản ứng trước cho nhà cung cấp từ các năm 2013 và 2014 nhưng hợp đồng không được thực hiện;

(2) Khoản phải thu Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco gồm khoản ứng trước 446.500.000 đồng theo hợp đồng hợp tác kinh doanh số 11/HDNT ngày 9 tháng 12 năm 2008 giữa Công ty và Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco để thực hiện dự án Cao ốc căn hộ - Thương mại dịch vụ - Văn phòng cho thuê tại 204 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, tuy nhiên hợp đồng hợp tác đã ngừng triển khai và khoản phải thu lãi chậm trả là 1.502.658.918 đồng.

9. HÀNG TỒN KHO

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	87.173.777	-	79.113.854	-
Công cụ, dụng cụ	156.598.915	-	189.159.579	-
Cộng	243.772.692	-	268.273.433	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ HH khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ						
01/01/2022	16.566.587.624	90.289.040	1.936.152.551	155.354.000	-	18.748.383.215
- Mua trong năm	-	-	1.216.263.636	34.000.000	484.750.000	1.735.013.636
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	(80.000.000)	-	-	(80.000.000)
31/12/2022	16.566.587.624	90.289.040	3.072.416.187	189.354.000	484.750.000	20.403.396.851
HAO MÓN LŨY KẾ						
01/01/2022	(16.566.587.624)	(90.289.040)	(1.936.152.551)	(155.354.000)	-	(18.748.383.215)
- Khấu hao trong năm	-	-	(47.180.720)	(10.388.587)	(4.397.933)	(61.967.240)
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	80.000.000	-	-	80.000.000
31/12/2022	(16.566.587.624)	(90.289.040)	(1.903.333.271)	(165.742.587)	(4.397.933)	(18.730.350.455)
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
01/01/2022	-	-	-	-	-	-
31/12/2022	-	-	1.169.082.916	23.611.413	480.352.067	1.673.046.396

Nguyên giá tài sản cố định đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2022 là 18.668.383.215 đồng (tại ngày 31/12/2021 là 18.748.383.215 đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***11. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2022		01/01/2022	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
a) Ngắn hạn	677.259.285	677.259.285	3.620.796.130	3.620.796.130
- Công ty Huizhou	677.259.285	677.259.285	3.620.796.130	3.620.796.130
b) Dài hạn	-	-	-	-
Cộng	677.259.285	677.259.285	3.620.796.130	3.620.796.130

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC****Thuế và các khoản phải nộp**

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế thu nhập doanh nghiệp
- Thuế thu nhập cá nhân
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
	-	765.843.447	765.843.447	765.843.447	-	-	-
	-	127.414.381	127.414.381	-	-	127.414.381	-
	-	71.388.428	71.388.428	71.388.428	-	-	-
	-	4.314.101.497	4.314.101.497	4.314.101.497	-	-	-
	-	25.490.190	25.490.190	25.490.190	-	-	-
	-	5.304.237.943	5.176.823.562	5.176.823.562	-	127.414.381	-

Thuế và các khoản phải thu

- Thuế giá trị gia tăng phải nộp
- Thuế xuất, nhập khẩu
- Thuế thu nhập doanh nghiệp

	01/01/2022		Số phải nộp trong năm		Số đã thực nộp/khấu trừ trong năm		31/12/2022
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	
	4.348.947	4.348.947	4.348.947	19.499.775	19.499.775	19.499.775	-
	74.982.842	258.086.261	258.086.261	183.103.419	183.103.419	-	-
	437.879.474	437.879.474	437.879.474	-	-	-	-
	517.211.263	700.314.682	700.314.682	202.603.194	202.603.194	19.499.775	-

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

13. PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.702.584	-
- Kinh phí công đoàn	100.152	-
- BHXH, BHYT, BHTN	1.602.432	-
b) Dài hạn	1.802.825.150	2.018.829.150
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	1.802.825.150	2.018.829.150
Cộng	1.804.527.734	2.018.829.150

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
a) Ngắn hạn	101.172.645	-
- Trích trước tiền điện	101.172.645	-
b) Dài hạn	-	-
Cộng	101.172.645	-

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU

15.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
01/01/2021	29.000.000.000	2.310.399.740	(11.638.725.444)	19.671.674.296
- Lãi trong năm trước	-	-	1.398.023.418	1.398.023.418
31/12/2021	29.000.000.000	2.310.399.740	(10.240.702.026)	21.069.697.714
01/01/2022	29.000.000.000	2.310.399.740	(10.240.702.026)	21.069.697.714
- Lãi trong năm nay	-	-	2.161.889.590	2.161.889.590
31/12/2022	29.000.000.000	2.310.399.740	(8.078.812.436)	23.231.587.304

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

15. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)

15.2 CHI TIẾT VỐN GÓP CỦA CHỦ SỞ HỮU

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
- Tổng Công ty điện tử Tin học Việt Nam	14.790.000.000	14.790.000.000
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	7.911.000.000	7.911.000.000
- Các cổ đông khác	6.299.000.000	6.299.000.000
Cộng	29.000.000.000	29.000.000.000

15.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỐ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN

	Năm 2022	Năm 2021
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	29.000.000.000	29.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	29.000.000.000	29.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

13.4 CỐ PHIẾU

	31/12/2022	01/01/2022
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.900.000	2.900.000
+ Cổ phiếu phổ thông	2.900.000	2.900.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

13.5 CÁC QUỸ

	31/12/2022	01/01/2022
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.310.399.740	2.310.399.740

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***16. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Doanh thu	64.643.473.664	70.603.269.709
Doanh thu bán thành phẩm	44.592.895.242	52.901.244.213
Doanh thu bán vật tư	693.088.785	352.206.563
Doanh thu khác	19.357.489.637	17.349.818.933
	64.643.473.664	70.603.269.709

17. GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Giá vốn bán thành phẩm	42.691.718.087	53.690.338.927
Giá vốn bán vật tư	273.754.842	154.687.998
Giá vốn kinh doanh khác	4.928.430.229	4.372.984.667
Cộng	47.893.903.158	58.218.011.592

18. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	402.818.826	468.043.650
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	432.905.851	122.037.560
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	221.324.503	-
Cộng	1.057.049.180	590.081.210

19. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	126.772.958	72.218.198
Cộng	126.772.958	72.218.198

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

20. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
a) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp	12.936.946.559	10.387.897.020
- Chi phí nhân viên quản lý	5.752.525.283	5.622.721.168
- Chi phí vật liệu quản lý	104.237.687	-
- Chi phí đồ dùng văn phòng	146.979.847	418.677.266
- Chi phí khấu hao	58.888.687	-
- Tiền thuê đất, thuế, phí và lệ phí	4.318.101.497	2.349.758.386
- Chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi	(19.400.000)	(7.555.960)
- Chi phí thù lao HĐQT và Ban kiểm soát	192.000.000	192.000.000
- Chi phí bằng tiền khác	2.383.613.558	1.812.296.160
b) Các khoản chi phí bán hàng	2.068.646.530	985.446.954
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	1.864.212.907	873.890.986
- Chi phí xuất hàng	176.873.623	97.155.968
- Chi phí bằng tiền khác	27.560.000	14.400.000

21. THU NHẬP KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Thanh lý, nhượng bán TSCĐ	15.500.000	-
- Các khoản khác	85.425.017	77.796.428
	100.925.017	77.796.428

22. CHI PHÍ KHÁC

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Các khoản chi phí khác	47.995.211	209.550.165
	47.995.211	209.550.165

23. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
- Chi phí nguyên vật liệu	11.706.861.384	33.571.126.404
- Chi phí nhân công	31.401.537.829	20.532.122.216
- Khấu hao	61.967.542	37.280.000
- Chi phí dự phòng	(14.700.000)	(7.555.960)
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	6.233.671.788	5.247.593.366
- Chi phí bằng tiền khác	13.510.158.640	10.210.789.540
Cộng	62.899.497.183	69.591.355.566

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

24. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2022 VND	Năm 2021 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	2.727.183.445	1.398.023.418
Các khoản chi phí không được khấu trừ	320.610.333	243.799.629
- Tiền lương và phụ cấp HDQT	117.000.000	-
- Chi phí không hợp lý khác	203.610.333	243.799.629
Lỗ tính thuế năm trước chuyển sang	-	1.641.823.047
Các khoản thu nhập không chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	221.324.503	-
- Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối năm	221.324.503	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong năm	2.826.469.275	-
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Thuế TNDN phải trả ước tính	565.293.855	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	565.293.855	-

25. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm 2022	Năm 2021
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	2.161.889.590	1.398.023.418
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu đang lưu hành trong kỳ (CP)	2.900.000	2.900.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)	745	482

26. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu và pha loãng giá trị cổ phiếu do đó chỉ tiêu này được xác định bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

27. THÔNG TIN KHÁC

27.1 GIAO DỊCH VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022, Công ty có giao dịch với các Bên liên quan bao gồm:

Đối tượng	Mối quan hệ
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	Cổ đông lớn
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	Công ty liên kết

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

27. THÔNG TIN KHÁC (TIẾP)

27.1 GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)

Thu nhập của HĐQT và Ban Giám đốc

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Năm 2022</u> <u>VND</u>	<u>Năm 2021</u> <u>VND</u>
Ông Phạm Nguyên Anh	Chủ tịch HĐQT	36.000.000	24.000.000
Bà Đỗ Thị Thúy Hương	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Yến	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hà Hữu Quang	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Dương Trung Dũng	Thành viên HĐQT	24.000.000	24.000.000
Ông Hà Hữu Quang	Giám đốc	351.888.000	351.888.000
Ông Lê Thanh Hiền	Phó Giám đốc	232.800.000	232.800.000
Tổng		716.688.000	704.688.000

Số dư với các bên liên quan

	<u>31/12/2022</u> <u>VND</u>	<u>01/01/2022</u> <u>VND</u>
Phải thu khách hàng bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Bình Minh	273.131.651	273.131.651
Phải thu khác là bên liên quan		
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Tecco	1.949.158.918	1.949.158.918

27.2 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Công ty Cổ phần Điện Tử Bình Hòa đã được kiểm toán.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 02 năm 2023

Người lập biểu

Trần Thị Kiều Oanh

Kế toán trưởng

Trần Thị Kiều Oanh

Giám đốc



Hà Hữu Quang